TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/11/2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu**

Các hội thẩm nhân: Bà **Trần Thị Thu Vân**

Bà **Vũ Thị Mùi**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Trúc Thủy** – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2018 về việc "*Ly hôn*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **TTPT**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 43/1, khu phố 6, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **NAP (NPA)**, sinh năm 1980.

Địa chỉ 1: 40 Continental Avenue, Cohoes, New York 12047, USA.

Địa chỉ 2: 15 South Central. Ave. Mechanicville. NY 12118.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2018 và bản tự khai, chị TTPT trình bày:

Năm 2013 chị quen anh NAP do người thân giới thiệu. Sau thời gian tìm hiểu, đến năm 2015 cả hai quyết định kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2015. Tuy đã đăng ký kết hôn, nhưng chị và anh P chưa chung sống vì cả hai thống nhất sau khi chị được bảo lãnh sang Hòa Kỳ sẽ tổ chức lễ cưới và đoàn tụ vợ chồng. Trong thời gian làm thủ tục bảo lãnh thì đến khoảng tháng 11/2016 anh P đột ngột cắt đứt liên lạc với chị, chị có

liên lạc nhưng anh P không phản hồi. Nay chị xác định tình cảm không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh NAP trình bày trong bản khai ngày 20/9/2018.

Anh và chị T được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2015. Sau khi kết hôn, anh ở Việt Nam được hai tuần thì trở về HK và chuẩn bị làm thủ tục bảo lãnh chị T sang HK đoàn tụ. Trong thời gian này, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên anh cắt liên lạc với chị T từ cuối năm 2016. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ và anh cũng không còn tình cảm, nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị TTPT, anh NAP đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt chị T, anh P.

Về nội dung:

Chị TTPT với anh NAP (NPA) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2015, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh P trở về HK để xúc tiến thủ tục bảo lãnh chị T đoàn tụ gia đình, nhưng khoảng thời gian này vợ chồng phát sinh mâu thẫn, nên chị T có đơn ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận bởi lẽ hiện tại chị T và anh P mỗi người sống mỗi nước, không có khả năng đoàn tụ, cả hai đều xác định tình cảm không còn và anh P đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị TTPT được ly hôn anh NAP.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự thống nhất trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị TTPT phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, 227, 228, 235, 266, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TTPT. Chị TTPT được ly hôn với anh NAP (NPA).

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị TTPT phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 001299 ngày 07/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí chị T phải chịu.

Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh NAP (NPA) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THA.DS tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu